

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 5 - 2023

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Quang

2. Ông Hứa Quang Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H R Đ Ayũn, sinh năm 1997; Địa chỉ: Buôn K B, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Y T L Niê, sinh năm 1991; Địa chỉ: Buôn K B, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H R Đ và anh Y T L Niê tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn từ ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 8 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do không hợp nhau nữa và đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Hiện nay chị H R Đ không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với anh Y T L Niê nữa. Nguyên vọng của chị H R Đ muốn được Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Y T L Niê.

Về con chung: Quá trình chung sống hai người có với nhau 01 con chung là cháu: H H R Ayũn, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị H R Đ. Nguyên vọng của chị muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H R Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

Anh Y T L Niê và cô H R Đ Ayũn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn từ ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống anh Y T L Niê và H R Đ Ayũn chung sống với nhau hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống thì anh T L có mâu thuẫn với mẹ vợ nên hai đứa không sống cùng nhau nữa. Anh Y T L Niê quay về nhà mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân đã ba năm nay. Nay chị H R Đ Ayũn xin ly hôn, anh Y T L Niê nhận thấy vẫn còn tình cảm nên anh Y T L Niê không đồng ý ly hôn với chị H R Đ Ayũn. Nếu ly hôn thì chị H R Đ phải cho anh Y T L Niê số tiền 50.000.000 triệu đồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, hai người có một con chung là cháu H H R Ayũn, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015. Nếu phải ly hôn thì anh Y T L Niê đồng ý giao cháu H H R Ayũn cho chị H R Đ Ayũn nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Y T L Niê chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định theo Bộ luật Tố tụng tố dân sự tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án. Điều 191 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục nhận và xử lý Đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa Chị H R Đ Ayũn được ly hôn với anh Y T L Niê.

Về con chung: Giao con chung là cháu H H R Ayũn, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015 cho chị H R Đ Ayũn trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh Y T L Niê có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung nợ chung: Chị H R Đ Ayũn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Y T L Niê và chị H R Đ Ayũn chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Y T L Niê và chị H R Đ Ayũn đều khai nhận sau khi về chung sống với nhau thì hạnh phúc được một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y T L Niê có mâu thuẫn với gia đình chị H R Đ Ayũn. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị H R Đ Ayũn yêu cầu được ly hôn với anh Y T L

Niê thì anh Y T L không đồng ý, mong muốn đoàn tụ gia đình vì vẫn còn tình cảm yêu thương chị H R Đ, nếu ly hôn thì chị H R Đ phải trả cho anh Y T L Niê số tiền 50.000.000 triệu đồng, nhưng yêu cầu này không được chị H R Đ chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H R Đ và anh Y T L đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế thì giữa hai người đã không chung sống với nhau trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị H R Đ ly hôn anh Y T L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hai người có 01 con chung là cháu H H R Ayũn, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015, hiện tại chị H R Đ Ayũn trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và cháu H H R Ayũn cũng có nguyện vọng được ở với chị H R Đ Ayũn là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H R Đ Ayũn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H R Đ Ayũn được ly hôn với anh Y T L Niê.

- Về con chung: Giao cháu H H R Ayũn, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015 cho chị H R Đ Ayũn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H H R Ayũn đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

Anh Y T L Niê có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung nên các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị H R Đ Ayũn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai số: AA/2021/0018434, ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã C, thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Bá Nhất

